

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2020
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ L số 384/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Mỹ D, sinh năm 1984, địa chỉ: số 19, tổ 9 ấp B, xã H H, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

Bị đơn: Anh Hà Minh L, sinh năm 1983, địa chỉ: tổ 12, ấp Tân Hậu B2, xã Long A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị Mỹ D trình bày:

Chị Đinh Thị Mỹ D và anh Hà Minh L do quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện C B, tỉnh Tiền Giang. theo giấy

chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đến năm 2018 thì chị D và anh L không còn chung sống với nhau. Nhận thấy không hạnh phúc, tình cảm không còn nên chị D yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị D và anh có 02 con chung tên Hà Thị Tuyết M, sinh ngày 26/02/2009 và Hà Phước Th, sinh ngày 14/7/2015. Hiện 02 (hai) con đang sống với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai trong quá trình sống chung với anh L không tạo lập được tài sản chung, cũng như không có thiếu nợ ai hết.

Bị đơn anh Hà Minh L có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án trình bày: về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như anh chị D trình bày, tuy nhiên anh L không trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và không có ý kiến về việc chị D yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh L thông nhất có 02 con chung tên Hà Thị Tuyết M, sinh ngày 26/02/2009 và Hà Phước Th, sinh ngày 14/7/2015. Hiện đang sống với chị D, không có ý kiến về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày Không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do anh L vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, con chung chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mỹ D và anh Hà Minh L sống chung có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị D trình bày cho thấy chị D và anh L sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, đã không còn sống chung từ năm 2018

cho đến nay, chị D yêu cầu được ly hôn còn anh L có lời khai nhưng không thể hiện được ý kiến đối với yêu cầu của chị D. Xét thấy chị D và anh L đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay, trong khoảng thời này giữa chị D và anh L không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 cho chị D được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị D và anh L thống nhất trình bày có 02 con chung tên Hà Thị Tuyết M, sinh ngày 26/02/2009 và Hà Phước Th, sinh ngày 14/7/2015 (đang sống với chị D), khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy Hai cháu Mai, Thiện đang sống với chị D đã ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, đồng thời cháu Hà Thị Tuyết M cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với chị D. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh L thống nhất khai không có nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:*

Chị Đinh Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh anh Hà Minh L. Đồng thời, anh L cư trú trên địa bàn thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L do quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện C B, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2005 là hôn nhân hợp pháp.

Chị D và anh L sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, đến năm 2018 chị D và anh L không còn chung sống với nhau. Chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L, anh L thì có lời khai nhưng không thể hiện ý kiến về việc chị D yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng thì mỗi bên phải có trách nhiệm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình cũng như trong cuộc sống thì hôn nhân mới hạnh phúc và bền vững, hôn nhân của chị D và anh L thì không được như thế, anh L đã không làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình từ đó hai bên không có tiếng nói chung nên đã không còn chung sống với nhau khoảng thời gian dài. Trong hoảng thời gian này hai bên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, qua xác minh người thân của anh L là bà Xuyên (mẹ ruột anh L) thì được biết chị D và anh L sống chung có phát sinh mâu thuẫn khoảng 02, 03 năm nay, bà Xuyên có khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, đồng thời chị L cũng không quay về nhà của bà. Nhận thấy hôn nhân của chị D và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 cho chị D được ly hôn với anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung tên Hà Thị Tuyết M, sinh ngày 26/02/2009 và Hà Phước Th, sinh ngày 14/7/2015 (đang sống với chị D), khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L thì không có ý kiến về việc nuôi con chung, xét thấy Hai cháu Mai, Thiện đang sống với chị D đã ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, đồng thời cháu Mai cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với chị D. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị D, giao hai cháu tên Hà Thị Tuyết M, sinh ngày 26/02/2009 và Hà Phước Th, sinh ngày 14/7/2015(đang sống với chị D), cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị Mỹ Dung các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Hà Minh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh L cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, chị D không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Đinh Thị Mỹ D với anh Hà Minh L.

Về con chung: Giao con chung tên Hà Thị Tuyết M, sinh ngày 26/02/2009 và Hà Phước Th, sinh ngày 14/7/2015 cho chị Đinh Thị Mỹ D được tiếp tục nuôi dưỡng, Anh Hà Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đinh Thị Mỹ D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Hà Minh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai số 0002146 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 146, Quyền số 01/2005 cấp ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện C B, tỉnh Tiền Giang không còn giá trị pháp L.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Đinh Thị Mỹ D có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của anh Hà Minh L là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình